

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 253/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Duy
- Bà Lê Thị Ngọc Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Minh C**, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: **Trần Thị Kiều T**, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 10/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, thường cãi nhau và sau nhiều lần trao đổi hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng anh không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay vợ chồng anh không còn tình cảm nên anh yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày xxxx và cháu Nguyễn Quốc C1, sinh ngày xxxx hiện sống cùng anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đi làm công nhân đủ điều kiện để nuôi 02 con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Kiều T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn dù Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh C, nhận thấy:

- Anh và chị T kết hôn năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19/9/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời khai của anh C thì vợ chồng anh chung sống đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không phản đối yêu cầu ly hôn của anh. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những mâu thuẫn vợ chồng như anh đã nêu là những tình tiết anh không phải chứng minh. Như vậy giữa vợ chồng anh thật sự đã phát sinh những mâu thuẫn như nêu trên và hiện không còn chung sống, chị T cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm; bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết ly hôn tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, cho anh được ly hôn với chị T là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 02 người con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày xxxx và cháu Nguyễn Quốc C1, sinh ngày xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con của anh C là có cơ sở chấp nhận; vì 02 cháu hiện sống cùng anh đã ổn định cuộc sống về mọi mặt, 02 cháu đều có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng anh; Hơn nữa, chị T cũng không phản đối yêu cầu này của anh. Do đó, việc giao 02 cháu cho anh tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự đều không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh C yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh C, cho anh C được ly hôn với chị Trần Thị Kiều T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày xxxx và cháu Nguyễn Quốc C1, sinh ngày xxxx cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028566 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, xem như anh đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên

